TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 609/2018/HNGĐ–ST
Ngày 12-11-2018.
V/v tranh chấp " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2018/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2188/2018/QĐST–HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị D (Bùi Thị O), sinh năm 1978; địa chỉ: 125/2 ấp AB, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: 125/2 ấp AB, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Bùi Thị D trình bày:

Vào năm 2006 chị và anh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; đến năm 2012 chị và anh T tiến hành đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Điền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2012. Trong thời gian chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 03/10/2007 và Nguyễn Trọng Nn, sinh ngày

24/12/2009; hiện con chung đang sống chung với chị. Chị và anh T không tạo lập được tài sản chung; nợ chung: không có.

Lý do chị và anh T không còn sống chung: thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc; thời gian khoảng 04 năm gần đây chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đi nhậu say về đánh đập chị; chị khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Hiện chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2017 (âm lịch) cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 03/10/2007 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/12/2009. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Ngày 26/10/2018 chị Bùi Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị D và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: từ tháng 5/2017 (âm lịch) đến nay chị D và anh T không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu tại 125/2 ấp AB, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị D có yêu cầu xét xử vắng mặt vàTòa án đã tống đạt cho anh T các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: năm 2006 chị D và anh T tự nguyện chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Điền, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2012. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị D và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Năm 2017 chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên đi nhậu say về đánh đập chị; chị khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 5/2017 cho đến nay chị D và anh T không còn sống chung và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh T đến tham gia phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: chị D và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 03/10/2007 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/12/2009; khi ly hôn chị

D yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: từ khi chị D và anh T không còn sống chung cho đến nay 02 con chung do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và 02 con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; đồng thời cháu Thu Th và cháu Trọng N có nguyện vọng sống chung với chị D. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao 02 con chung cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp. Do chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn T có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị Bùi Thị D có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị D phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị D. Chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Do chị D không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: chị Bùi Thị D được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 03/10/2007 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/12/2009. Do chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực

tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Bùi Thị D có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị D phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018488 ngày 16 tháng 7 năm 2018 và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã An Điền;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn-Dương Văn Hai **Cao Thanh Minh**

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ